

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **182/2022/DS-PT**

Ngày 19 - 12 - 2022

V/v “Đòi lại tài sản là quyền sử dụng  
đất; Tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Th phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Kiều Lương

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Quyên

Bà Lê Thị Ký

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tạ Anh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Lê Hồng Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc “Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, Tranh chấp di sản thừa kế”. Do bản án sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 30/8/2012 của Tòa án nhân dân Th phố huyện Xuân Lộc bị kháng cáo Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 181/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 368/2022/QĐ-PT ngày 02/12/2022 giữa các đương sự:

**\* Ng đơn:** Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Ấp 2A, xã X, huyện X, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền có ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp 2A, xã X, huyện X, tỉnh Đ. (Theo hợp đồng ủy quyền số: 002947 ngày 22/3/2022).

**\* Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đ.

**\* Người có quyền ọi và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà **Nguyễn Thị Ch**, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền có ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp 2A, xã X, huyện X, tỉnh Đ. Hợp đồng ủy quyền số: **002946** ngày 22/3/2022.

- Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đ.

- Bà **Nguyễn Thị Kim Th**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: khu phố 8, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đ.

- Bà **Võ Thị Đ**, sinh năm 1950

- Ông **Nguyễn Thanh Nh**, sinh năm 1985.

- Ông **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1988.

- Ông **Nguyễn Thanh Ngh**, sinh năm 1992.

- Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: ấp A, xã An B A, thị xã H, tỉnh Đ..

- Ông **Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Y và bà Nguyễn Thị Ch: Ông Ngô Văn D - Công ty Luật TNHH MTV Biên Hùng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.*

*(ông H, bà D, bà C, ông T và luật sư D có mặt, bà Võ Thị Đ, Ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh, bà Nguyễn Thị Ng, bà Th có đơn xin vắng mặt).*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Y là Ng đơn do ông Nguyễn Văn H trình bày:**

Nguồn gốc diện tích đất 589 m<sup>2</sup>, thửa đất số 466, tờ bản đồ số 4, tại xã X, huyện X, tỉnh Đ và tài sản gắn liền trên đất là của cha bà Y là ông Nguyễn Văn L (chết năm 2002) do bà Nguyễn Thị H sống cùng với ông Nguyễn Văn L nên được ông L giao cho quyền sử dụng thửa đất trên và bà Nguyễn Thị H đã được Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 932448 cấp ngày 12 tháng 3 năm 2008.

Đến ngày 19/02/2018, Bà Nguyễn Thị H chết không để lại di chúc. Bà H không có chồng và không có con ruột cũng như con nuôi. Mẹ của bà là bà Nguyễn Thị R đã chết từ năm 1970 tại Campuchia nên không có giấy chứng tử. Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị R có 05 người con gồm ông Nguyễn Văn Ng (chết năm 2006), bà Nguyễn Thị H (chết 2018) và ông Nguyễn Văn B (chết năm 2019), bà Nguyễn Thị Y và bà Nguyễn Thị Ch ngoài ra ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị R không có con riêng hay con nuôi nào khác. Sau khi bà H chết, thửa

đất này do bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị C là con của ông Nguyễn Văn Ng quản lý, sử dụng từ năm 2018 cho đến nay.

Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị C phải trả lại cho bà quyền sử dụng thửa đất số 466, tờ bản đồ số 4, tại xã X, huyện X và tài sản gắn liền trên đất để chị em bà gồm bà, bà Nguyễn Thị Ch và những thừa kế của ông Nguyễn Văn B chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H theo quy định pháp luật.

Lúc còn sống, bà Nguyễn Thị H mở quán để buôn bán tại thửa đất 466 hiện đang tranh chấp. Thu nhập của bà Nguyễn Thị H rất khá nên có tiền hùn hạp mua đất với anh em nhà bà Nguyễn Thị D, hùn vốn với ông Nguyễn Văn Ph là anh của bà Nguyễn Thị D để làm trại cưa được một thời gian thì bà D, bà C kinh doanh quán cơm, nay cho ông T thuê làm gara sửa chữa ô tô.

Trong quá trình giải quyết thì bà Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu phản tố qua yêu cầu phản tố của bà D bà chấp nhận các yêu cầu sau:

- Tiền phụng dưỡng bà Nguyễn Thị H trong thời gian 02 năm trước khi bà H chết với số tiền 72.000.000.000 (*Bảy mươi hai triệu*) đồng.

- Tiền chi phí mai táng tự nguyện thanh toán thêm cho bên bị đơn 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

- Thanh toán tiền đóng thuế sử dụng đất 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng.

Vậy tổng số tiền bà Y tự nguyện thanh toán cho bà Nguyễn Thị D là: 117.000.000 (*Một trăm mười bảy triệu*) đồng.

**\* Ngoài ra bà Y không chấp nhận các khoản sau:**

- Tiền thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim Th 350.000.000 (*Ba trăm năm mươi triệu*) đồng vì số tiền này lúc bà H còn sống không có vay mượn tiền của bà Th mà người vay tiền là bà D, bà C (giấy mượn tiền không có chữ ký bà H). Việc này cũng được bà Th thừa nhận.

- Thanh toán tiền bảo quản di sản thừa kế 35.000.000 (*Ba mươi lăm triệu*) đồng, vì tài sản này chính bị đơn là người trực tiếp kinh doanh buôn bán và hưởng L và hiện nay còn cho ông T thuê để kinh doanh gara sửa xe. Đúng ra là bà yêu cầu phía bị đơn phải trả lại cho bà những thu L từ việc kinh doanh trên thửa đất này từ lúc bà H chết từ năm 2018 cho đến nay.

- Nay bà Nguyễn Thị Y yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị C phải trả lại cho bà và các đồng thừa kế diện tích đất 589m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 466, tờ bản đồ số 04, tại xã X, huyện X, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 932448 được Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/3/2018 cho Hộ bà Nguyễn Thị H và tài sản gắn liền trên đất.

Bà xin nhận toàn bộ tài sản là diện tích đất 589 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 466, tờ bản đồ số 04, và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất, đất tọa lạc tại xã X, huyện X,

tỉnh Đ. Bà có nghĩa vụ thanh toán lại một suất thừa kế bằng tiền cho các hàng thừa kế được hưởng cụ thể cho bà Nguyễn Thị Ch một suất thừa kế và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B (chết năm 2019) một suất gồm có bà Võ Thị Đ (vợ ông B, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Nguyễn Thị Ng các con ông B).

***\*Bị đơn Bà Nguyễn Thị D có yêu cầu phản tố trình bày:***

Bà và bà Nguyễn Thị C là con của ông Nguyễn Văn Ng (ông Ng chết năm 2006) là anh ruột của bà Nguyễn Thị H. Đối với thửa đất số 466, tờ bản đồ số 4, tại xã X, huyện X, tỉnh Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H. Sau khi bà H chết năm 2018 thửa đất trên do bà và bà Nguyễn Thị C trực tiếp quản lý, sử dụng để kinh doanh quán cơm. Lúc bà H còn sống, bà và bà C sống chung với bà H lúc khỏe mạnh cũng như lúc ốm đau nên bà H có hứa cho bà, bà C và ông Nguyễn Văn B 5m chiều ngang đất, thửa đất số 466 (chỉ nói miệng) sự việc bà H cho đất đều được những người trong họ hàng biết nhưng bà chưa kịp làm thủ tục sang tên thì bà H chết.

Bà vẫn giữ Ng yêu cầu phản tố theo Thông báo về việc thụ lý yêu cầu phản tố số 78/TB-TLVU ngày 10/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc. Bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Y, bà chỉ chấp nhận trả 1/2 giá trị tài sản cho bà Y nhưng xin được ưu tiên tiếp tục sử dụng đất để làm nơi thờ cúng.

Buộc bà Y phải thanh toán cho bà tiền phụng dưỡng, chăm sóc bà H trong 10 năm là 360.000.000 (Ba trăm, sáu mươi triệu) đồng.

Buộc bà Y phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim Th 350.000.000 (Ba trăm, năm mươi triệu) đồng nợ bà H mượn bà Th và lãi suất theo quy định.

Buộc bà Y phải thanh toán cho bà công sức bảo quản di sản thừa kế 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

Buộc bà Y phải thanh toán cho bà chi phí tang lễ, xây mộ và các chi phí khác là: 81.400.000 (Tám mươi một triệu, bốn trăm nghìn) đồng, bà đã thanh toán được 41.000.000 (Bốn mươi một triệu) đồng. Còn nợ lại 40.400.000 (Bốn mươi triệu, bốn trăm nghìn) đồng, bà yêu cầu bà Y có nghĩa vụ thanh toán cho bà.

Buộc bà Y phải thanh toán cho bà tiền đóng thuế sử dụng đất là 23.795.000 (Hai mươi ba triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

\*Tổng cộng các khoản bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Y hoàn trả là: 809.195.000 (Tám trăm lẻ chín triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn) đồng. Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Y thanh toán cho bà số tiền trên.

Bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giao bà tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 466, tờ bản đồ số 4, tại xã X, huyện X, tỉnh Đ. Tại giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số AL 932448 được Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/3/2018 cho Hộ bà Nguyễn Thị H và tài sản gắn liền trên đất, bà sẽ thanh toán giá trị chênh lệch cho bà Nguyễn Thị Y và các đồng thừa kế. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

**\* Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày:**

Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị D. Bà không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y. Bà không có yêu cầu khởi kiện độc lập.

**\* Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch do ông Nguyễn Văn H trình bày:**

Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y. Bà không có yêu cầu khởi kiện độc lập và chỉ chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị D như ý kiến của bà Y và đồng ý nhận 01 suất thừa kế bằng giá trị do bà Y thanh toán.

**\* Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày:**

Ngày 12/6/2016, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị C có mượn của bà số tiền 350.000.000 (Ba trăm, năm mươi triệu) đồng, bà H có đưa cho bà 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 932448 do bà Nguyễn Thị H đứng tên để làm tin. Người trực tiếp làm giấy nợ và nhận tiền là bà D, bà C. Đến tháng 6/2017, bà D và bà C đã trả được số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, còn nợ lại số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Sau khi bà Nguyễn Thị H chết thì bà D và bà C vẫn đóng tiền lãi đầy đủ cho bà. Nay bà H đã chết nên bà yêu cầu bà D, bà C và các đồng thừa kế của bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền trên, lãi suất tính theo quy định pháp luật. Bà không có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

**\* Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh, bà Nguyễn Thị Ng trình bày:**

Chúng tôi là vợ và con của ông Nguyễn Văn B là người thừa kế thế vị. Nay chúng tôi đồng ý theo ý kiến của bà Nguyễn Thị Y và xin giao lại toàn bộ tài sản là diện tích đất 589 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 466, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã X, huyện X, tỉnh Đ và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất cho bà Nguyễn Thị Y, bà Y phải có nghĩa vụ thanh toán lại một suất thừa kế bằng giá trị cho chúng tôi.

**\* Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh T trình bày:**

Hiện ông đang được bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị D cho mượn mặt bằng là thửa đất số 466, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc tại xã X, huyện X, tỉnh Đ đất của bà Nguyễn Thị H mất để lại để kinh doanh gara sửa chữa ô tô. Trong thời gian ông sử dụng ông cam kết không xây dựng công trình gì trên đất và không thay đổi

hiện trạng công trình xây dựng trên đất, ông đồng ý giao trả lại thửa đất trên sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu gì thêm.

Tại bản án số dân sự số 40/2022/DSST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ng đơn bà Nguyễn Thị Y.

Buộc bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị C và ông Huỳnh Thanh T phải giao trả cho bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B gồm bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Nguyễn Thị Ng phần diện tích đất 373,1 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 466, tờ bản đồ số 4, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, được giới hạn bởi các mốc ( 5, 6, 7, 8 – 5), tại bản đồ hiện trạng thửa đất số 277/2018 ngày 14/01/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Xuân Lộc. Bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B gồm bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Nguyễn Thị Ng được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản và công trình xây dựng trên đất.

\* Tổng giá trị tài sản thừa kế trị giá: 1.595.529.000 đồng (*Một tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn*) đồng. Do bà Nguyễn Thị Ch, bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Nguyễn Thị Ng đồng ý giao toàn bộ tài sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị Y được quyền sở hữu, sử dụng bà Y có nghĩa vụ thôi hồi cho các đồng thừa kế 1 suất giá trị tài sản được nhận cụ thể như sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị Y phải có nghĩa vụ thôi hồi lại 01 suất thừa kế cho bà Nguyễn Thị Ch là: 531.843.000 (*Năm trăm, ba mươi một triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn*) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Y phải có nghĩa vụ thôi hồi lại 01 suất thừa kế cho bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh, bà Nguyễn Thị Ng mỗi người là: 531.843.000 đồng : 5 = 106.369.000 (*Một trăm lẻ sáu triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn*) đồng.

**Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị D:**

Buộc bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch, bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Nguyễn Thị Ng thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền là: 136.195.000 (*Một trăm ba mươi sáu triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn*) đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch, bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Nguyễn Thị Ng thanh toán

cho bà Nguyễn Thị D tiền xây dựng quán là: 177.749.000 (*Một trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn*) đồng.

Tổng cộng hai khoản tiền là: 313.944.000 (*Ba trăm mười ba triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn*) đồng. Trong đó được chia cụ thể như sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền là: 104.648.000 (*Một trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn*) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Ch phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền là: 104.648.000 (*Một trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn*) đồng.

- Buộc bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Nguyễn Thị Ng mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền là: 20.930.000 (*Hai mươi triệu, chín trăm ba chục nghìn*) đồng.

**Về chi phí tố tụng:** Buộc bà Nguyễn Thị D thanh toán cho bà Nguyễn Thị Y số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản là 11.487.000 (*Mười một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn*) đồng.

**Về án phí:** Buộc bà Nguyễn Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 87.093.000 (*Tám mươi bảy triệu, không trăm chín mươi ba nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.383.000 (*Mười tám triệu ba trăm tám mươi ba nghìn*) đồng theo biên lai số 0009255 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, bà Nguyễn Thị D còn phải nộp là: 68.710.000 (*Sáu mươi tám triệu, bảy trăm mười nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh, bà Nguyễn Thị Ng mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 6.364.000 (*Sáu triệu, ba trăm sáu mươi bốn nghìn*) đồng.

Riêng bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch, bà Võ Thị Đ là người cao tuổi nên bà Y, bà Chung và bà Đ được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 12 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 7.500.000 (*Bảy triệu năm trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 003177 ngày 02 tháng 8 năm 2018.

Ngày 20/ 9 /2022, bà Nguyễn Thị D là bị đơn có đơn kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y.

**\* Quan điểm của người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Y và bà Nguyễn Thị Ch tại phiên tòa:**

Thửa đất số 466, tờ bản đồ số 04, tại xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL932448 ngày 12/3/2018 cho Hộ bà Nguyễn Thị H là em gái bà Nguyễn Thị Y đứng tên. Bà Nguyễn Thị H chết không để lại di chúc cho bất kỳ ai được hưởng tài sản này. Bà Nguyễn Thị H không có chồng, không có con đẻ và con nuôi, cha mẹ bà Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Rạng đã mất trước đó. Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Rạng có 05 người con gồm: ông Nguyễn Văn Ng (chết trước bà Nguyễn Thị H), bà Nguyễn Thị Y, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Ch và bà Nguyễn Thị H. Tài sản của bà Nguyễn Thị H để lại là quyền sử dụng thửa đất số 466, tờ bản đồ số 04, tại xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai và tài sản gắn liền trên đất hiện nay do bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị C đang quản lý sử dụng nên bà Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị C trả lại toàn bộ di sản của bà Nguyễn Thị H là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị D ông có ý kiến như sau:

- Đối với yêu cầu thanh toán chi phí phụng dưỡng bà H trong 10 năm là 360.000.000 đồng (*Ba trăm, sáu mươi triệu*) đồng. Do bà H lúc còn sống kinh tế ổn định, có tài sản không phải sống nương tựa vào người khác và biết tự lo cho bản thân, bà H chết do đột quỵ, bà H bệnh ngồi xe lăn trong 02 năm nên cần người chăm sóc trong thời gian này nên bà Y đồng ý hỗ trợ tiền nuôi dưỡng bà H trong 02 năm là 72.000.000 (*Bảy mươi hai triệu*) đồng.

- Đối với chi phí mai táng, xây mộ và cá chi phí khác cho bà Nguyễn Thị H là 81.400.000 (*Tám một triệu, bốn trăm nghìn*) đồng. Chỉ chấp nhận hỗ trợ tiền mai táng bà Nguyễn Thị H mà bà D còn nợ lại là 40.400.000 (*Bốn mươi triệu bốn trăm nghìn*) đồng.

- Đối với yêu cầu thanh toán chi phí bảo quản di sản thừa kế là 35.000.000 (*Ba mươi lăm triệu*) đồng từ lúc bà H mất năm 2018 cho đến nay. Không đồng ý vì hiện nay bà D và bà C vẫn quản lý, sử dụng tài sản của bà H dùng để kinh doanh quán ăn và cho ông T thuê gara sửa xe ô tô. L nhuận từ việc kinh doanh và cho thuê của bà D, bà C, bà Y và các đồng thừa kế không ai tranh chấp.

- Đối với yêu cầu thanh toán tiền thuế sử dụng đất: đồng ý hỗ trợ số tiền bà D đã đóng là 23.795.000 (*Hai mươi ba triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn*) đồng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.



- Đối với số tiền vay nợ của bà Nguyễn Thị Kim Th 350.000.000 (Ba trăm, năm mươi triệu) đồng. Việc vay trên bà D, bà C không chứng minh được bà H đã vay mượn tiền bà Th nên bà Y không chấp nhận.

Yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Kim Th, là người có quyền L nghĩa vụ liên quan phải trả lại cho bà Y và các đồng thừa kế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 932448 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H 04407 do Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc cấp ngày 12/3/2008 cho Hộ bà Nguyễn Thị H đứng tên. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D.

- *Quan điểm của Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:*

### **I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng.**

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

- Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 286 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như đảm bảo đúng Th phần, vô tư, khách quan, không có Tr hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng theo Điều 52 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thủ tục phiên tòa phúc thẩm từ khi bắt đầu cho đến thời điểm này được Hội đồng xét xử phúc thẩm thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

- Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **II. Về việc giải quyết vụ án.**

- Về thủ tục kháng cáo: Ngày 20/9/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị D nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự thì kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không đồng ý với nhận định và đánh giá chứng cứ của cấp sơ thẩm, bản

án không phản ánh đúng bản chất của vụ việc, không phù hợp với thực tế khách quan. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ng đơn

- Quan điểm của Kiểm sát viên đối với nội dung kháng cáo:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm không có vi phạm Ngh trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên có thiếu sót là không ghi tên ông Nguyễn Văn B trong danh sách người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Tòa án thụ lý sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 03/8/2018, sau đó đến năm 2018 thì ông B chết, lúc này phải xác định vợ con ông B (bà Đ, anh Nh, anh Tr, anh Ngh, chị Ng) là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B mới đúng quy định tại Điều 74 BLTTDS. Tuy nhiên bản án sơ thẩm lại xác định vợ con ông B là những người có quyền, nghĩa vụ liên quan là không chính xác. Cần sửa lại tư cách tố tụng của đương sự cho chính xác.

Về đường lối:

1. Xét yêu cầu khởi kiện của Ng đơn: Các bên đương sự thừa nhận thửa đất số 466, tờ bản đồ số 04, diện tích 589m<sup>2</sup>, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị H. Ngày 19/02/2018, bà Nguyễn Thị H chết không để lại di chúc, vì vậy, thửa đất số 466 là di sản thừa kế của bà H và được chia thừa kế theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của bà H không có ai vì bà H không có chồng, con ruột, con nuôi, cha nuôi, mẹ nuôi; cha mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị H đều đã qua đời trước bà H. Hàng thừa kế thứ hai của bà H vẫn còn sống tại thời điểm bà H chết, theo quy định tại Điều 613 và điểm b khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 gồm có 3 kỳ phần: bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch, ông Nguyễn Văn B (là chị em ruột của bà H). Ông B chết năm 2019 sau bà H và sau khi vụ án được Tòa thụ lý (thụ lý ngày 03/8/2018) nên vợ con ông B là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B (bà Đ, anh Nh, anh Tr, anh Ngh, chị Ng). Riêng ông Nguyễn Văn Ng là anh ruột của bà Nguyễn Thị H nhưng đã chết năm 2006 (tức chết trước bà H) nên ông Ng không phải là người thừa kế theo Điều 613 BLDS; các con ông Nguyễn Văn Ng (bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị C) cũng không thuộc diện được hưởng di sản của bà Nguyễn Thị H theo quy định về thừa kế thế vị tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hiện nay, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị C là người đang quản lý di sản nên bà Y khởi kiện yêu cầu trả lại di sản là có căn cứ pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng quy định tại Điều 166 BLDS. Do bà D và bà C có bỏ tiền ra xây quán kiên cố trên đất không thể tháo dỡ, vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc 3 người thừa kế phải thanh toán giá trị công trình xây dựng quán theo giá trị chứng thư thẩm định giá số 2484/1/TĐG-CT ngày 31/8/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai cho bà D, bà C là 177.749.000đ là đúng pháp luật.

Bà D và bà C cho rằng lúc bà H còn sống, bà H có hứa cho bà D, bà C và

ông Nguyễn Văn B 5m chiều ngang đất, thửa đất số 466 nhưng bà H chưa kịp làm thủ tục sang tên thì chết. Xét thấy việc cho đất này Ng đơn không thừa nhận, bị đơn không có chứng cứ có giá trị pháp lý để chứng minh; ngoài ra tặng cho bất động sản phải được lập Th văn bản, có chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được đăng ký thì mới pH sinh hiệu lực và được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Vì vậy, không có cơ sở xác định bà H cho bị đơn đất.

2. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn: Bà D có phản tố yêu cầu bà Nguyễn Thị Y hoàn trả 809.195.000đ gồm: Tiền phụng dưỡng, chăm sóc bà H trong 10 năm là 360.000.000đ; thanh toán tiền bà H vay của bà Nguyễn Thị Kim Th 350.000.000đ và lãi, đã cầm cố giấy chứng nhận thửa đất 466; thanh toán công sức bảo quản di sản thừa kế 35.000.000đ; thanh toán cho bà chi phí tang lễ, xây mộ và các chi phí khác là 40.400.00; tiền đóng thuế sử dụng đất là 23.795.000đ.

Bà Y chỉ chấp nhận một phần yêu cầu phản tố là 117.000.000đ gồm: Tiền phụng dưỡng bà Nguyễn Thị H trong thời gian 02 năm trước khi bà H chết 72.000.000.000đ; chi phí mai táng bà H 25.000.000đ; tiền đóng thuế sử dụng đất 20.000.000đ.

Xét thấy bà D yêu cầu khoản tiền phụng dưỡng, chăm sóc bà H trong 10 năm là 360.000.000đ phía bà D không chứng minh được, bà Y chỉ chấp nhận 72.000.000đ nên cấp sơ thẩm ghi nhận là có căn cứ. Khoản thanh toán tiền bà H vay của bà Nguyễn Thị Kim Th 350.000.000đ và lãi, xét thấy việc vay này bà Th khai cho bà D và bà C vay chứ không cho bà H vay nên không có cơ sở chấp nhận là đúng. Đối với khoản thanh toán công sức bảo quản di sản thừa kế 35.000.000đ, xét thấy bị đơn quản lý di sản từ năm 2018 đến nay, có cho nhiều người thuê và bị đơn có thu nhập từ việc thuê di sản nên không có cơ sở chấp nhận khoản này.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu phản tố là 136.195.000đ gồm: Tiền phụng dưỡng bà Nguyễn Thị H trong thời gian 02 năm trước khi bà H chết 72.000.000.000đ; chi phí mai táng bà H 40.400.000đ; tiền đóng thuế sử dụng đất 23.795.000đ. Như vậy là đúng quy định tại Điều 658 BLDS.

Bà Nguyễn Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng bản án không vô tư khách quan, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bà D là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ Ng về đường lối.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2, điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của bà D về việc đề nghị sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bà D. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của TAND huyện Xuân Lộc về tư cách tố tụng của đương sự (bổ sung tên ông Nguyễn Văn B trong danh sách người có quyền, nghĩa vụ liên quan; xác định vợ con ông B gồm bà Đ, anh Nh, anh Tr, anh Ngh, chị Ng là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B). Về đường lối giữ Ng như án sơ thẩm.

### **III. Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có**

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Đơn kháng cáo của Nguyễn Thị D làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định; nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

1.2. Về xác định tư cách tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm không ghi tên ông Nguyễn Văn B trong danh sách người có quyền, nghĩa vụ liên quan. Tòa án thụ lý sơ thẩm lần thứ nhất vào ngày 03/8/2018, sau đó đến năm 2018 thì ông B chết, lúc này phải xác định vợ con ông B (bà Đ, anh Nh, anh Tr, anh Ngh, chị Ng) là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B mới đúng quy định tại Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm lại xác định vợ con ông B là những người có quyền, nghĩa vụ liên quan là không chính xác. Cần sửa lại tư cách tố tụng của đương sự cho chính xác.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị D vẫn giữ Ng nội dung yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét cấp phúc thẩm xét thấy:

2.1. Đối với yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thu thập thể hiện các bên đương sự thừa nhận thửa đất số 466, tờ bản đồ số 04, diện tích 589m<sup>2</sup>, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai có nguồn gốc là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị H là em gái của bà Nguyễn Thị Y. Bà H không có chồng, không có con đẻ và con nuôi, cha mẹ bà H là ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Rạng ông L bà Rạng có 05 người con gồm (Nguyễn Thị Y, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Ch và Nguyễn Thị H). Ngày 19/02/2018, bà Nguyễn Thị H chết không để lại di chúc. Tài sản của bà Nguyễn Thị H để lại là quyền sử dụng thửa đất số 466, tờ bản đồ số 04, tại xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai và tài sản gắn liền trên đất hiện nay do bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị C đang quản lý sử dụng. Vì vậy, thửa đất số 466 là di sản thừa kế của bà H và được chia thừa kế theo pháp luật. Do ông L và bà Rạng, là hàng thừa kế thứ nhất của bà H đều đã qua đời trước bà H. (Riêng ông Nguyễn Văn Ng là anh ruột của bà Nguyễn Thị H nhưng đã chết năm 2006 (tức chết trước bà H) nên ông Ng không phải là người thừa kế theo Điều 613 Bộ luật dân sự, và các con ông Nguyễn Văn Ng gồm bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị C cũng không thuộc diện được hưởng di sản của bà Nguyễn Thị H theo quy định về thừa kế thế vị tại Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các quy định tại Điều 613 và điểm b khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, di sản thừa kế của bà H để lại sẽ được chia cho hàng thừa kế thứ

hai của bà H gồm bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch, ông Nguyễn Văn B (là chị em ruột của bà H). Tuy nhiên, sau khi Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc thụ lý vụ án vào ngày 03/8/2018, đến năm 2019 ông B chết nên vợ và các con ông B gồm bà Đ, anh Nh, anh Tr, anh Ngh, chị Ng là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị C là người đang quản lý di sản của bà H để lại; Vì vậy, bà Nguyễn Thị Y khởi kiện “*Tranh chấp đòi lại tài sản và chia di sản thừa kế*” theo quy định tại Điều 166 và, 651 Bộ luật dân sự là có căn cứ pháp luật.

2.2. Đối với công trình xây dựng trên đất: Trong qua trình bà Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị C quản lý tài sản của bà H có bỏ tiền ra xây quán kiên cố trên đất không thể tháo dỡ, vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc 3 người thừa kế phải thanh toán giá trị công trình xây dựng quán theo giá trị chứng thư thẩm định giá số 2484/1/TĐG-CT ngày 31/8/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai cho bà D, bà C là 177.749.000đ là đúng pháp luật.

2.3. Đối với yêu cầu của bà D và bà C cho rằng lúc bà H còn sống, bà H có hứa cho bà D, bà C và ông Nguyễn Văn B 5m chiều ngang đất, thửa đất số 466 nhưng bà H chưa kịp làm thủ tục sang tên thì chết. Tuy nhiên, bà C và bà D không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu trên, đồng thời phía Ng đơn không thừa nhận. Vì vậy, không có cơ sở xác định bà H cho bị đơn đất.

[3]. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

Bà D có phản tố yêu cầu bà Nguyễn Thị Y hoàn trả 809.195.000 gồm: Tiền phụng dưỡng, chăm sóc bà H trong 10 năm là 360.000.000đ; thanh toán tiền bà H vay của bà Nguyễn Thị Kim Th 350.000.000đ và lãi, đã cầm cố giấy chứng nhận thửa đất 466; thanh toán công sức bảo quản di sản thừa kế 35.000.000đ; thanh toán cho bà chi phí tang lễ, xây mộ và các chi phí khác là 40.400.00; tiền đóng thuế sử dụng đất là 23.795.000đ.

Bà Y chỉ chấp nhận một phần yêu cầu phản tố là 117.000.000đ gồm: Tiền phụng dưỡng bà Nguyễn Thị H trong thời gian 02 năm trước khi bà H chết 72.000.000.000đ; chi phí mai táng bà H 25.000.000đ; tiền đóng thuế sử dụng đất 20.000.000đ.

Xét thấy bà D yêu cầu khoản tiền phụng dưỡng, chăm sóc bà H trong 10 năm là 360.000.000đ phía bà D không chứng minh được, bà Y chỉ chấp nhận 72.000.000đ nên cấp sơ thẩm ghi nhận là có căn cứ. Khoản thanh toán tiền bà H vay của bà Nguyễn Thị Kim Th 350.000.000đ và lãi, Trong quá trình thu thập chứng cứ bà Th xác định cho bà D và bà C vay chứ không cho bà H vay nên không có cơ sở chấp nhận là đúng.

Đối với khoản thanh toán công sức bảo quản di sản thừa kế 35.000.000đ, xét thấy bị đơn quản lý di sản từ năm 2018 đến nay, có cho nhiều người thuê và bị đơn có thu nhập từ việc thuê di sản nên không có cơ sở chấp nhận khoản này.

Căn cứ các quy định tại Điều 658 Bộ luật dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn gồm: Tiền phụng dưỡng bà Nguyễn Thị H trong thời gian 02 năm trước khi bà H chết 72.000.000.000đ; chi phí mai táng bà H 40.400.000đ; tiền đóng thuế sử dụng đất 23.795.000đ. Tổng cộng là 136.195.000đ là đúng quy định. Từ những căn cứ trên, Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ng đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị D. Giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm số 40/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, sửa về tư cách tố tụng đương sự trong án

Đối với những yêu cầu khác trong bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Y tại phiên tòa có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bà D phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung, quyết định của bản án.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 40/2022/DSST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân Huyện Xuân Lộc về xác định tư cách tố tụng

- Căn cứ Điều 26, 35, 39, 157, 165, 166, 227, 228 và 259 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 613, 615, 616, 650, 658, 221, 234 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**\* Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ng đơn bà Nguyễn Thị Y.**

- Buộc bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị C và ông Huỳnh Thanh T phải giao trả cho bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B gồm bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Nguyễn Thị Ng phần diện tích đất 373,1m<sup>2</sup> thuộc thửa số 466, tờ bản đồ số 4, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, được giới hạn bởi các mốc **(5, 6, 7, 8 – 5)**, tại bản đồ hiện trạng thửa đất số 277/2018 ngày 14/01/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Xuân Lộc.

Bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn B gồm bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Nguyễn Thị Ng được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản và công trình xây dựng trên đất.

- Tổng giá trị tài sản thừa kế trị giá: 1.595.529.000 đồng (*Một tỷ, năm trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn đồng*). Do bà Nguyễn Thị Ch, bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Nguyễn Thị Ng đồng ý giao toàn bộ tài sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị Y được quyền sở hữu, sử dụng bà Y có nghĩa vụ thanh toán lại cho các đồng thừa kế 1 suất giá trị tài sản được nhận cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Y phải có nghĩa vụ thanh toán lại 01 suất thừa kế cho bà Nguyễn Thị Ch là: 531.843.000đ (*Năm trăm, ba mươi một triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Y phải có nghĩa vụ thanh toán lại 01 suất thừa kế cho bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh, bà Nguyễn Thị Ng là:  $531.843.000 \text{ đ} : 5 = 106.369.000\text{đ}$  (*Một trăm lẻ sáu triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn đồng*).

**2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị D:**

- Bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch, bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Nguyễn Thị Ng thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền là: 136.195.000đ (*Một trăm ba mươi sáu triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch, bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Nguyễn Thị Ng thanh toán cho bà Nguyễn Thị D tiền xây dựng căn quán là: 177.749.000đ (*Một trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

Tổng cộng hai khoản tiền là: 313.944.000đ (*Ba trăm mười ba triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn*) đồng. Trong đó được chia cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Y phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền là: 104.648.000đ (*Một trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị Ch phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền là: 104.648.000đ (*Một trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

- Buộc bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Nguyễn Thị Ng phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị D số tiền là: 104.648.000đ (*Một trăm lẻ bốn triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng*). Trong đó mỗi người phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị D là 20.930.000đ (*Hai mươi triệu, chín trăm ba chục nghìn đồng*).

### **3. Về chi phí tố tụng:**

Buộc bà Nguyễn Thị D thanh toán cho bà Nguyễn Thị Y số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản là 11.487.000đ (*Mười một triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

- Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch, bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê khai đăng ký lại đất theo thủ tục chung.

- Buộc bà Nguyễn Thị Kim Th phải trả lại cho Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch, bà Võ Thị Đ, ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh và bà Nguyễn Thị Ng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 932448, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ H 04407 do Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/3/2008 cho hộ bà Nguyễn Thị H đứng tên.

- Dành quyền khởi kiện cho bà Nguyễn Thị Kim Th đối với số tiền bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị C nợ bà bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

### **4. Về án phí:**

**4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 87.093.000đ (*Tám mươi bảy triệu, không trăm chín mươi ba nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.383.000đ (*Mười tám triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai số 0009255 ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, bà Nguyễn Thị D còn phải nộp là: 68.710.000đ (*Sáu mươi tám triệu, bảy trăm mười nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh Nh, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Thanh Ngh, bà Nguyễn Thị Ng mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 6.364.000đ (*Sáu triệu, ba trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*)..



Riêng bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Ch, bà Võ Thị Đ là người cao tuổi nên bà Y, bà Chung và bà Đ được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 12 và Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 003177 ngày 02 tháng 8 năm 2018.

**4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:** Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp tại biên lai số 0006753 ngày 23/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Bà D đã nộp xong.

Bà Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

**5. Thi hành án:** Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (*Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật*) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**6.** Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

**7. Về hiệu lực của bản án:** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai
- Các đương sự;
- Lưu (HS, TP, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Kiều Lương**

**TH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Ký**

**Nguyễn Thị Quyên**

**Đinh Thị Kiều Lương**

.

